

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn								
			Tổng số (Mã 270 CĐKT)	Trong đó:							Tổng số (Mã 300 CĐKT)	Nợ phải trả			Nguồn kinh phí và các quỹ	Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CĐKT)		Tỷ lệ sở hữu của nhà nước	
				Tiền và tương đương tiền	Hàng tồn kho	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Đầu tư tài chính dài hạn	Tài sản dài hạn	Nợ phải thu	Nợ phải thu khó đòi		Nợ phải trả ngắn hạn	Nợ phải trả dài hạn	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn)		Năm trước 2017	Năm báo cáo 2018	Năm trước 2017	Năm báo cáo 2018
				(Mã 100 CĐKT)	(Mã 140 CĐKT)	(Mã 120 CĐKT)	(Mã 250 CĐKT)	(Mã 200 CĐKT)	(Mã 130 + Mã 210 CĐKT)			(Mã 310 CĐKT)	(Mã 330 CĐKT)	(Mã 320 CĐKT + Mã 338 CĐKT)					
1	Nhà máy In tiền quốc gia	In đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật lưu niệm bằng vàng	2.224.733	1.332.452	424.272			892.280	181.496		311.069	291.254	19.816			1.917.712	1.913.663	100%	100%
2	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)	Tài chính ngân hàng	1.281.596.740	31.406.723			8.815.355	1.891.322			1.281.596.740					48.458.605	58.180.630	100%	100%
3	Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTG VN)	Bảo hiểm tiền gửi	49.545.588	207.784	1.147	46.674.531	397.136	401.589	1.863.401	0	49.545.588	43.559.330	0	0	142.062	5.750.460	5.844.196	100%	100%
4	Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC)	Mua nợ xấu của các TCTD	160.360.359	14.349.942	145.854.654		3.896		151.867		160.360.359	13.569.894				2.058.782	2.093.331	100%	100%
Tổng			1.493.727.420	47.296.901	146.280.073	46.674.531	9.216.387	3.185.191	2.196.764		1.491.813.756	57.420.478	19.816		142.062	58.185.559	68.031.820		

Ghi chú:

- Số liệu 2017 VAMC và BHTG VN là số liệu năm báo cáo tài chính đã kiểm toán
- Agribank là số liệu báo cáo riêng lẻ đã kiểm toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2019

KT. ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

KT. CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

PHÓ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG



Trần Đăng Phi